| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN KRÔNG BÚK**<br>**TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

Bản án số: 27/2023/HS-ST
Ngày: 06/7/2023

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trương Văn Chinh**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Trương Hữu Vinh**;

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Quý**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:*** Ông **Y Đum Kpă** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2023/TLST-HS ngày 16/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HS ngày 23/6/2023 đối các với các bị cáo:

**1.** Họ tên: **Nguyễn Hữu T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 14/6/1995, tại tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Thôn T, xã Ea T, huyện K, tỉnh Đ; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1967 và bà Đỗ Thị Mỹ D, sinh năm 1969; Vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1993 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 người con sinh năm 2016;

Tiền sự: Không;

Tiền án: Bản án số 24/2021/HS-ST ngày 17/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đ, xử phạt Nguyễn Hữu T 01 (một) năm tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 09/6/2022 chấp hành xong hình phạt tù; chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 28/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện K ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chấp hành xong vào ngày 24/11/2019;

Ngày 24/9/2020 Công an huyện K ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản;

Ngày 19/01/2021 bị Tòa án nhân dân huyện K ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc;

Bị cáo Nguyễn Hữu T bị bắt tạm giữ từ ngày 10/4/2023 và chuyển tạm giam ngày 12/4/2023; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Búk; Có mặt tại phiên toà

**2.** Họ tên: **Nguyễn Đức V**; Tên gọi khác: V Muỗng; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 08/9/1994, tại tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi cư trú: Thôn Tân Ph, xã Ea T, huyện K, tỉnh Đ; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Nguyễn M, sinh năm 1968 (đã chết); Mẹ: Hồ Thị T (tên khác: Hồ Thị T), sinh năm 1969; Tiền sự: Không;

Tiền án: Có 04 tiền án, cụ thể:

- Bản án số: 47/2012/HSST ngày 13/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện K, xử phạt Nguyễn Đức V 07 tháng 02 ngày tù, về tội trộm cắp tài sản; ngày 13/7/2012 chấp hành xong hình phạt tù;

- Bản án số: 482/2014/HSPT ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ, xử phạt Nguyễn Đức V 01 năm 06 tháng tù, về tội trộm cắp tài sản"; ngày 11/01/2016 chấp hành xong hình phạt tù;

- Bản án số: 35/2016/HSST ngày 16/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, xử phạt Nguyễn Đức V 02 năm 06 tháng tù, về tội trộm cắp tài sản; ngày 05/7/2018 chấp hành xong hình phạt tù;

- Bản án số: 22/2020/HS-ST ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện K, xử phạt Nguyễn Đức V 03 năm tù, về tội trộm cắp tài sản; ngày 09/01/2023 chấp hành xong hình phạt tù; chưa được xóa án tích;

Bị cáo Nguyễn Đức V bị bắt tạm giữ từ ngày 10/4/2023 và chuyển tạm giam ngày 12/4/2023; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Búk.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Bùi Thị Bích Ng, sinh năm 1990

Trú tại: Thôn N, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ;

Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 2003

Trú tại: Thôn Tân Ph, xã Ea T, huyện K, tỉnh Đ. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Vào khoảng 08 giờ 10 phút ngày 12 tháng 3 năm 2023, Nguyễn Đức V điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha-Sirius biển số 47E1-471.72 chở Nguyễn Hữu T đến

trước quán tạp hóa Hoàng L, thuộc thôn N, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ để mua nước uống. Khi mua xong, T đi ra ngoài thì phát hiện trong hộc trước xe mô tô hiệu Honda-Vision biển số 47C1-063.58 của chị Bùi Thị Bích Ng đang dựng trước tiệm tạp hóa có để 01 ví da màu nâu. Lúc này, T nảy sinh ý định trộm cắp, nên T liếc mắt nhìn về phía V ra hiệu muốn lấy trộm cái ví thì V đồng ý. V ngồi trên xe mô tô nổ máy chờ sẵn và quan sát xung quanh để cảnh giác, T lấy được cái ví da xong thì leo lên xe mô tô cùng V tẩu thoát. T và V kiểm tra bên trong cái ví da có số tiền 750.000 đồng *(bảy trăm năm mươi nghìn đồng; gồm các loại tiền có mệnh giá 200.000 đồng, 100.000 đồng và 50.000 đồng)*. Sau đó, T và V cùng nhau tiêu xài hết số tiền trộm cắp có được, còn cái ví da thì vứt trên đường không rõ địa điểm. Sau khi bị phát hiện, biết không thể thoát tội, nên ngày 10/4/2023 Nguyễn Hữu T và Nguyễn Đức V đã đến Công an xã Ch, huyện K đầu thú, giao nộp chiếc xe mô tô biển số 47E1-471.72 và khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 23 ngày 08/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện Krông Búk kết luận: 01 ví da trơn màu nâu, móc khóa kéo có chữ Lovely, trị giá 50.000 đồng *(Năm mươi nghìn đồng)*.

Về thu giữ và xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk đã thu giữ 01 xe mô tô hiệu Yamaha-Sirius, màu đen, biển số 47E1-471.xx số máy E32VE325711, số khung RLCUE3720MY061656. Kết quả điều tra xác định chiếc xe mô tô này chủ sở hữu là anh Nguyễn Đức Th (sinh năm: 2003; nơi cư trú: Thôn Tân Ph, xã Ea T, huyện K, tỉnh Đ), là em ruột của bị cáo Nguyễn Đức V (Ngày 12/3/2023 bị cáo Nguyễn Đức V sử dụng xe đi trộm cắp anh Th không biết). Ngày 28/4/2023 chị Bùi Thị Bích Ng đã giao nộp cho Công an huyện Krông Búk 01 thẻ nhớ chứa đoạn video ghi lại sự việc trộm cắp vào ngày 12/3/2023. Quá trình điều tra đã tiến hành truy tìm cái ví da màu nâu nhưng không có kết quả.

Về dân sự: Chị Bùi Thị Bích Ng (sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn N, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ) yêu cầu các bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Đức V phải bồi thường số tiền 800.000 đồng *(tám trăm nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số: 26/CT-VKS ngày 16/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Đức V về tội *Trộm cắp tài sản* theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Đức V thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Đức V phạm tội trộm cắp tài sản.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h,s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn

Đức V mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ, ngày 10/4/2023.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha-Sirius, màu đen, biển số 47E1-471.xx số máy E32VE325711, số khung RLCUE3720MY061656. cho anh Nguyễn Đức Th là chủ sở hữu hợp pháp.

*(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk với Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk)*.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Bùi Thị Bích Ng yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền thiệt hại là 800.000 đồng. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Bùi Thị Bích Ng không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Đức V không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, phù hợp với biên bản bắt phạm tội quả tang, biên bản xác định lại hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Đức V và Nguyễn Hữu T đều có tiền án về tội trộm cắp tài sản, nhưng chưa được xóa án tích. Khoảng 08 giờ 10 phút ngày 12/3/2023, tại thôn N, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ, Nguyễn Đức V và Nguyễn Hữu T đã lén lút trộm cắp của chị Bùi Thị Bích Ng 01 ví da màu nâu trị giá 50.000 đồng, bên trong có số tiền 750.000 đồng đang để trong hộc trước của xe mô tô biển số 47C1-063.xx; tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 800.000 đồng *(Tám trăm nghìn đồng*).

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã phạm tội *Trộm cắp tài sản,* tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự

Tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, quy định:

*"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:...*

*b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các Điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm".*

[3] Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ảnh hưởng đến trật tự an ninh tại địa phương, các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo là người nghiện ma túy và bản tính lười lao động muốn có tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của người khác, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, Bị cáo T là khởi xướng, người thực hành, còn bị cáo V là người cảnh giới, giúp sức. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo V đã bị kết án nhiều lần về tội trộm cắp tài sản nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp, thể hiện coi thường pháp luật nên có tính chất nguy hiểm hơn bị cáo T, do đó Hội đồng xét xử cần xem xét quyết định mức hình phạt nghiêm khắc và phù hợp với tính chất mức độ hành vi cũng hậu quả của từng bị cáo gây ra. Xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo riêng và răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Nguyễn Đức V bị cáo có 4 tiền án về tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, theo tinh thần quy định tại điểm a mục 7.3 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP, ngày 12/5/2006 hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự thì *"Trường hợp các tiền án của bị cáo đã được xem xét là dấu hiệu cấu thành tội phạm "đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm" thì các tiền án đó không được tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm đối với bị cáo"* nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo; Các bị cáo phạm tội thuộc trường gây thiệt hại không lớn, sau khi phạm tội các bị cáo ra đầu thú là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha-Sirius, màu đen, biển số 47E1-471.xx số máy E32VE325711, số khung RLCUE3720MY061656 cho anh Nguyễn Đức Th là chủ sở hữu hợp pháp, vì anh Th không có lỗi trong việc giao xe cho các bị cáo trộm cắp tài sản.

*(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk với Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk)*.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Bùi Thị Bích Ng yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền thiệt hại là 800.000 đồng. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Bùi Thị Bích Ng không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Đức V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

**1**. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Đức V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt **Nguyễn Hữu T: 01** (Một) năm tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/4/2023)

Xử phạt **Nguyễn Đức V: 01** (Một) năm **03** (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 10/4/2023)

**2**. Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha-Sirius, màu đen, biển số 47E1-471.xx số máy E32VE325711, số khung RLCUE3720MY061656. cho anh Nguyễn Đức Th là chủ sở hữu hợp pháp.

*(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/7/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk với Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk)*.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra chị Bùi Thị Bích Ng yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền thiệt hại là 800.000 đồng. Tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Bùi Thị Bích Ng không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

**3**. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Đức V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**4**. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an huyện Krông Búk;
- Cơ quan THA HS huyện Krông Búk;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Văn Chinh**